TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/DS-ST
Ngày 09-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm số: 263/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 70/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B - 268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T; chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S (văn bản ủy quyền ngày 20/01/2025); Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T1; sinh năm 1984; địa chỉ: Số F (số C) hẻm tổ B, đường D - T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số F hẻm T, đường D - T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mỹ T1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/12/2018 với một số nội dung: Cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng Visa Pay Wave Cre Gold; Số thẻ 472075-2319; Hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng 2.6%; Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 thực hiện giao dịch với tổng số tiền 71.398.217 đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng được 57.425.991 đồng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/4/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/9/2025 là 79.216.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 22.043.661 đồng, lãi quá hạn 57.172.832 đồng. Tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2025 cho đến bà T1 thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/12/2018.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 nhưng bà T1 vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/12/2018. Thực hiện theo hợp đồng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã phát hành thẻ tín dụng cho bà T1 với hạn mức 20.000.000 đồng. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bà Nguyễn Thị Mỹ T1 là đúng quy định nên phát sinh hiệu lực. Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 đã nhận được thẻ, sử dụng thẻ có phát sinh dư nợ nên có trách nhiệm trả tiền vay theo thoả thuận.

[4] Theo trình bày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, từ tháng 4/2020 bà Nguyễn Thị Mỹ T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, còn nợ lại số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2025 là 79.216.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 22.043.661 đồng, lãi quá hạn 57.172.832 đồng, bị đơn bà T1 vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến và chứng cứ phản bác đối với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 09/9/2025 là 79.216.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 22.043.661 đồng, lãi quá hạn 57.172.832 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu án phí có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ đến ngày 09/9/2025 là 79.216.493 đồng, trong đó: Nợ gốc 22.043.661 đồng, lãi quá hạn 57.172.832 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/12/2018.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 phải chịu 3.570.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.807.754 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008198 ngày 29/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**